CÔNG TY CỔ PHẦN 397	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do- Hạnh phúc
Số: 1227/QĐ-CT397	*Đông Triều, ngày 29 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 21: Mua sắm vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất Quý III năm 2023

GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN 397

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của chính phủ hướng dẫn thi hành luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Quy định số 102/QĐ-CT397 ngày 12/01/2023 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc lựa chọn nhà cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của Công ty cổ phần 397;

Căn cứ Quyết định số 1114/QĐ-CT397 ngày 15/6/2023 của Giám đốc Công ty cổ phần 397 về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 21: Mua sắm vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất Quý III năm 2023;

Căn cứ Tờ trình ngày 27/6/2023 của Tổ chuyên gia về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 21: Mua sắm vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất Quý III năm 2023;

Căn cứ báo cáo ngày 28/6/2023 của Tổ thẩm định về việc thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 21: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất Quý III năm 2023;

Theo đề nghị của Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu Gói thầu số 21: Mua vật tư, phụ tùng SCTX các thiết bị xe, máy phục vụ sản xuất Quý III năm 2023, với những nội dung sau:

1. Tên nhà thầu trúng thầu: Liên danh Sông Châu – Việt Ý

Địa chỉ: Số 27B phố Trần Hưng Đạo, phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội (địa chỉ nhà thầu đứng đầu liên danh)

2. Nội dung gói thầu: Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

3. Giá đề nghị trúng thầu đã bao gồm thuế GTGT: 4.764.099.230 đồng *(Bằng chữ: Bốn tỷ, bảy trăm sáu bốn triệu, không trăm chín chín nghìn, hai trăm ba mươi đồng./.)*

4. Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định

5. Thời gian thực hiện hợp đồng: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến hết ngày 30/9/2023

6. Nguồn vốn: Chi phí sản xuất năm 2023 của Công ty cổ phần 397

Điều 2. Giao cho Tổ chuyên gia, Tổ thẩm định đấu thầu: Tổ chức đăng tải thông tin và thông báo kết quả LCNT đảm bảo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Tổ trưởng Tổ chuyên gia, Tổ trưởng Tổ thẩm định và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Các nhà thầu;
- TCG,TTĐ (t/h);
- Lưu: VT,TCG,TTĐ.M02.

GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 5701435907 - C.T.C.P * CÔNG TY CỔ PHẦN 397 * TX. ĐÔNG TRIỀU - T. QUẢNG NINH

Kiều Văn Sính

Phụ lục

PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU

GÓI THẦU SỐ 21: MUA VẬT TƯ, PHỤ TÙNG SCTX CÁC THIẾT BỊ XE, MÁY PHỤC VỤ SẢN XUẤT QUÝ III NĂM 2023

(Kèm theo Quyết định số 1227/QĐ- CT397 ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Công ty cổ phần 397)

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
1	Ắc giá chữ A Φ55x240	Cái	1	V.Nam	2019-2023	800.000	800.000	03 tháng
2	Ắc giảm sóc sau Φ70	Cái	10	V.Nam	2019-2023	550.000	5.500.000	03 tháng
3	Ắc giảm sóc trước Φ60x160	Cái	5	V.Nam	2019-2023	650.000	3.250.000	03 tháng
4	Ắc giằng cầu Φ70	Cái	60	V.Nam	2019-2023	550.000	33.000.000	03 tháng
5	Ắc giằng lái Φ40	Cái	15	V.Nam	2019-2023	450.000	6.750.000	03 tháng
6	Ắc Piston lái Φ45	Cái	15	V.Nam	2019-2023	460.000	6.900.000	03 tháng
7	Ắc xích Φ47x260	Cái	5	V.Nam	2019-2023	320.000	1.600.000	03 tháng
8	Bạc ắc giằng cầu Φ70	Cái	10	V.Nam	2019-2023	280.000	2.800.000	03 tháng
9	Bạc balie Cos1 740.60D-1000102	Bộ	1	Nga	2019-2023	2.300.000	2.300.000	03 tháng
10	Bạc biên Cos1 740.60D-1000104	Bộ	1	Nga	2019-2023	2.000.000	2.000.000	03 tháng
11	Bạc dẫn hướng 80x85x50	Cái	4	Nhật	2019-2023	600.000	2.400.000	03 tháng
12	Bạc dẫn hướng 90x105x90	Cái	4	Nhật	2019-2023	800.000	3.200.000	03 tháng
13	Bạc giằng lái Φ40	Cái	4	V.Nam	2019-2023	250.000	1.000.000	03 tháng
14	Bạc nhựa gối cầu cân bằng 6520-2918074-01	Cái	10	Nga	2019-2023	600.000	6.000.000	03 tháng
15	Bạc phíp giảm sóc trước 566-50-11173	Cái	5	Nhật	2019-2023	17.900.000	89.500.000	03 tháng
16	Bạc thép giảm sóc trước 569-50-6A181	Cái	5	Nhật	2019-2023	12.000.000	60.000.000	03 tháng
17	Bạc trục đứng Kamaz 6520	Cái	4	T.Quốc	2019-2023	450.000	1.800.000	03 tháng
18	Bạc+ắc nhíp DONGFENG	Bộ	4	T.Quốc	2019-2023	220.000	880.000	03 tháng
19	Bạc+ắc nhíp Kamaz	Bộ	5	T.Quốc	2019-2023	220.000	1.100.000	03 tháng
20	Bàn ép côn Kamaz 6520	Cái	4	T.Quốc	2019-2023	9.000.000	36.000.000	03 tháng
21	Bánh răng 6520-2502120	Cái	4	Nga	2019-2023	7.400.000	29.600.000	03 tháng
22	Bánh răng đồng tốc hộp số 1/2	Bộ	4	Ý	2019-2023	22.000.000	88.000.000	03 tháng
23	Bánh răng đồng tốc hộp số 3/4	Bộ	4	Ý	2019-2023	21.000.000	84.000.000	03 tháng
24	Bánh răng láp 53205-2403050	Cái	4	Nga	2019-2023	1.842.000	7.368.000	03 tháng
25	Bánh răng vành chậu+quả dứa 6520.2502060.10-6520.2502017.10	Bộ	5	Nga	2019-2023	11.900.000	59.500.000	03 tháng
26	Bánh răng vệ tinh 53212-2403054	Cái	10	Nga	2019-2023	415.000	4.150.000	03 tháng
27	Bánh răng Z25	Cái	2	V.Nam	2019-2023	12.000.000	24.000.000	03 tháng
28	Bầu phanh lốc kê DAEWOO	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	1.450.000	2.900.000	03 tháng

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
29	Bầu phanh lốc kê DONGFENG	Cái	6	T.Quốc	2019-2023	1.450.000	8.700.000	03 tháng
30	Bầu phanh lốc kê HUYNDAI	Cái	4	T.Quốc	2019-2023	1.450.000	5.800.000	03 tháng
31	Bầu phanh lốc kê Kamaz 6520	Cái	10	T.Quốc	2019-2023	1.450.000	14.500.000	03 tháng
32	Bầu phanh trước Kamaz	Cái	5	T.Quốc	2019-2023	1.700.000	8.500.000	03 tháng
33	Bầu phanh trước Scania	Cái	3	T.Quốc	2019-2023	1.700.000	5.100.000	03 tháng
34	Bi chao GEF70ES-2RS/K3	Vòng	45	Nhật	2019-2023	1.900.000	85.500.000	03 tháng
35	Bi chao GEK40XS 2RS	Vòng	15	Nhật	2019-2023	1.000.000	15.000.000	03 tháng
36	Bi chao GEK45XS 2RS	Vòng	10	Nhật	2019-2023	1.100.000	11.000.000	03 tháng
37	Bi chao Φ60	Vòng	5	V.Nam	2019-2023	650.000	3.250.000	03 tháng
38	Bi chao Φ70	Vòng	10	V.Nam	2019-2023	750.000	7.500.000	03 tháng
39	Bi chữ thập các đăng Φ52x133	Vòng	5	T.Quốc	2019-2023	810.000	4.050.000	03 tháng
40	Bi chữ thập các đăng Φ57x144	Vòng	5	T.Quốc	2019-2023	840.000	4.200.000	03 tháng
41	Bi chữ thập các đăng Φ57x152	Vòng	5	T.Quốc	2019-2023	850.000	4.250.000	03 tháng
42	Bi moay ơ trước 30615	Vòng	10	T.Quốc	2019-2023	773.000	7.730.000	03 tháng
43	Bi moay ơ trước 32310	Vòng	10	T.Quốc	2019-2023	658.000	6.580.000	03 tháng
44	Bi moay ơ trước Koyo 32032JR	Vòng	5	Nhật	2019-2023	12.900.000	64.500.000	03 tháng
45	Bi moay ơ trước Koyo 32036JR	Vòng	5	Nhật	2019-2023	15.600.000	78.000.000	03 tháng
46	Bi rọ 664916E	Vòng	5	Nga	2019-2023	750.000	3.750.000	03 tháng
47	Bi tê côn Kamaz 6520	Cái	5	Đức	2019-2023	3.500.000	17.500.000	03 tháng
48	Bi tỳ trục đứng 29910C17	Vòng	15	Nga	2019-2023	2.200.000	33.000.000	03 tháng
49	Bình ngưng Dongfeng	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	1.500.000	3.000.000	03 tháng
50	Bình nước phụ 6520-1311010	Cái	2	Nga	2019-2023	2.400.000	4.800.000	03 tháng
51	Bộ bơm tay+bầu lọc tách nước nhiên liệu 6W.55.259.20	Bộ	2	Nga	2019-2023	3.500.000	7.000.000	03 tháng
52	Bộ đầu lốc lạnh máy xúc PC1250 (Buly + cuộn điện + mặt hít)	Bộ	1	T.Quốc	2019-2023	2.000.000	2.000.000	03 tháng
53	Bộ đầu lốc lạnh xe HD465 (Buly + cuộn điện + mặt hít)	Bộ	1	T.Quốc	2019-2023	1.600.000	1.600.000	03 tháng
54	Bộ đầu lốclạnhmáy xúc PC1250 (Buly + cuộn điện + mặt hít)	Bộ	1	T.Quốc	2019-2023	2.000.000	2.000.000	03 tháng
55	Bộ gioăng phớt xi lanh nghiêng ben 244-0980	Bộ	4	Nhật	2019-2023	7.955.000	31.820.000	03 tháng
56	Bộ hơi comple 740.60-1000128-07	Bộ/xe	2	Nga	2019-2023	30.900.000	61.800.000	03 tháng
57	Bộ ly hợp máy nén khí điều hòa 10PA17 - đường kính 105mm	Bộ	2	T.Quốc	2019-2023	1.650.000	3.300.000	03 tháng
58	Bơm chuyển tiếp nhiên liệu xe Dongfeng	Cái	1	T.Quốc	2019-2023	1.800.000	1.800.000	03 tháng
59	Bơm dầu động cơ 6240-51-1100	Cụm	1	Komat'su	2019-2023	26.000.000	26.000.000	03 tháng
60	Bơm lái 4310-3407200	Cái	5	Nga	2019-2023	7.900.000	39.500.000	03 tháng
61	Bơm lái DONGFENG	Cái	1	T.Quốc	2019-2023	4.500.000	4.500.000	03 tháng
62	Bơm nước rửa kính CAT773E	Cái	2	Nhật	2019-2023	900.000	1.800.000	03 tháng

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
63	Bơm nước rửa kính HD465	Cái	6	Nhật	2019-2023	900.000	5.400.000	03 tháng
64	Bơm nước rửa kính L150H	Cái	1	Nhật	2019-2023	900.000	900.000	03 tháng
65	Bơm tay nhiên liệu Kamaz 6520	Cái	5	Nga	2019-2023	1.350.000	6.750.000	03 tháng
66	Bu lông các đăng 01050-61260	Cái	10	Nhật	2019-2023	45.000	450.000	03 tháng
67	Bu lông các đăng 566-20-41220	Cái	10	Nhật	2019-2023	350.000	3.500.000	03 tháng
68	Bu lông giằng cầu M20, L120	Bộ	10	V.Nam	2019-2023	45.000	450.000	03 tháng
69	Bu lông giằng cầu M20, L330	Bộ	10	V.Nam	2019-2023	110.000	1.100.000	03 tháng
70	Bu lông M20, L150 (8.8)	Bộ	20	V.Nam	2019-2023	50.000	1.000.000	03 tháng
71	Bu lông M27, L280 (12.9)	Bộ	10	V.Nam	2019-2023	200.000	2.000.000	03 tháng
72	Bu lông stan sau	Bộ	20	V.Nam	2019-2023	80.000	1.600.000	03 tháng
73	Bu lông stan trước	Bộ	20	V.Nam	2019-2023	60.000	1.200.000	03 tháng
74	Bu lông tắc kê	Bộ	30	T.Quốc	2019-2023	65.000	1.950.000	03 tháng
75	Bu lông tắc kê 569-22-72850	Cái	30	Nhật	2019-2023	950.000	28.500.000	03 tháng
76	Bu lông tắc kê 569-22-72860	Cái	30	Nhật	2019-2023	750.000	22.500.000	03 tháng
77	Bu lông tắc kê trước	Bộ	30	T.Quốc	2019-2023	65.000	1.950.000	03 tháng
78	Bu ly tăng dây cu roa trơn	Cái	10	T.Quốc	2019-2023	850.000	8.500.000	03 tháng
79	Ca xoa nhỏ 287-33-00010	Cặp	4	Nhật	2019-2023	14.000.000	56.000.000	03 tháng
80	Ca xoa nhỏ H143HN60	Cặp	4	Đức	2019-2023	14.000.000	56.000.000	03 tháng
81	Ca xoa to 76.90H-144HN60CF	Cặp	4	Đức	2019-2023	42.000.000	168.000.000	03 tháng
82	Căn nhựa bình tích năng 707-35-91020	Cái	5	Nhật	2019-2023	260.000	1.300.000	03 tháng
83	Căn nhựa giảm sóc sau 07001-05210	Cái	3	Nhật	2019-2023	495.000	1.485.000	03 tháng
84	Căn nhựa giảm sóc trước 07001-05190	Cái	5	Nhật	2019-2023	193.000	965.000	03 tháng
85	Căn phíp giảm sóc trước 566-50-11290	Cái	5	Nhật	2019-2023	3.500.000	17.500.000	03 tháng
86	Căn vi sai cầu giữa	Bộ	5	Nga	2019-2023	600.000	3.000.000	03 tháng
87	Căn vi sai cầu sau	Bộ	5	Nga	2019-2023	600.000	3.000.000	03 tháng
88	Cánh giảm chấn HD465	Cái	4	V.Nam	2019-2023	9.000.000	36.000.000	03 tháng
89	Cao su chân máy 569-01-81130	Cái	7	Nhật	2019-2023	2.000.000	14.000.000	03 tháng
90	Cao su giảm chấn nhỏ 285-01-12411	Cái	10	Nhật	2019-2023	1.000.000	10.000.000	03 tháng
91	Cao su giảm chấn to 569-01-62410	Cái	10	Nhật	2019-2023	2.000.000	20.000.000	03 tháng
92	Cao su giằng cầu DAEWOO	Quả	10	V.Nam	2019-2023	550.000	5.500.000	03 tháng
93	Cao su giằng cầu Hyundai HD260	Quả	5	V.Nam	2019-2023	700.000	3.500.000	03 tháng
94	Cao su giằng cầu Kamaz 6520	Quả	10	T.Quốc	2019-2023	750.000	7.500.000	03 tháng
95	Cây ba dọc 6520-3414010-11	Cái	2	Nga	2019-2023	8.800.000	17.600.000	03 tháng
96	Cây các đăng sau 6520-2201011-10	Cái	3	Nga	2019-2023	11.500.000	34.500.000	03 tháng

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
97	Cây các đăng trước Kamaz 6520	Cái	2	Nga	2019-2023	16.000.000	32.000.000	03 tháng
98	Chuột đề khởi động Dongfeng	Cái	1	T.Quốc	2019-2023	1.500.000	1.500.000	03 tháng
99	Chụp chắn bụi giằng lái HD465	Cái	50	T.Quốc	2019-2023	180.000	9.000.000	03 tháng
100	Cơ cấu bánh răng truyền động trục trung gian 6520-2502110	Cái	2	Nga	2019-2023	7.400.000	14.800.000	03 tháng
101	Cốc lọc dầu phanh HD465	Cái	5	Nhật	2019-2023	6.500.000	32.500.000	03 tháng
102	Còi điện KF-24	Cái	5	Nhật	2019-2023	3.500.000	17.500.000	03 tháng
103	Còi hơi inox	Cái	5	T.Quốc	2019-2023	350.000	1.750.000	03 tháng
104	Côn đề khởi động Kamaz 6520	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	1.200.000	2.400.000	03 tháng
105	Con đội xu páp 740-1007184-03	Cái	20	Nga	2019-2023	300.000	6.000.000	03 tháng
106	Công tắc phanh 421-06-35111	Cái	2	Nhật	2019-2023	15.000.000	30.000.000	03 tháng
107	Cụm khớp lai bơm ben 6090012022	Cụm	2	Nga	2019-2023	10.500.000	21.000.000	03 tháng
108	Cụm vi sai cài cầu Kamaz	Cụm	3	Nga	2019-2023	6.000.000	18.000.000	03 tháng
109	Cuộn điện lốc lạnh HD465	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	580.000	1.160.000	03 tháng
110	Cuống van dài 569-30-72130	Cái	40	Nhật	2019-2023	1.150.000	46.000.000	03 tháng
111	Cuống van ngắn 569-30-71600	Cái	20	Nhật	2019-2023	950.000	19.000.000	03 tháng
112	Dàn nóng PC1250	Cái	1	T.Quốc	2019-2023	2.850.000	2.850.000	03 tháng
113	Dầu lạnh PAG 100HQ	Chai	10	H.Quốc	2019-2023	500.000	5.000.000	03 tháng
114	Dầu lốc lạnh con gấu 1 lít	Lon	10	T.Quốc	2019-2023	220.000	2.200.000	03 tháng
115	Dây cu roa 6PK2120	Sợi	10	Đ.Loan	2019-2023	440.000	4.400.000	03 tháng
116	Dây cu roa 6PK2140	Sợi	5	Đ.Loan	2019-2023	445.000	2.225.000	03 tháng
117	Dây cu roa 6PK2220	Sợi	5	Đ.Loan	2019-2023	448.000	2.240.000	03 tháng
118	Dây cu roa 6PK2285	Sợi	5	Đ.Loan	2019-2023	480.000	2.400.000	03 tháng
119	Dây cu roa 6PK2310	Sợi	5	Đ.Loan	2019-2023	490.000	2.450.000	03 tháng
120	Dây cu roa động cơ 04122-22573	Sợi	5	Nhật	2019-2023	1.350.000	6.750.000	03 tháng
121	Dây cu roa máy lạnh RECMF 8390	Sợi	5	Đ.Loan	2019-2023	290.000	1.450.000	03 tháng
122	Dây cu roa máy lạnh RECMF6580	Cái	10	Đ.Loan	2019-2023	210.000	2.100.000	03 tháng
123	Dây cu roa máy phát 8PK1315	Sợi	15	Đ.Loan	2019-2023	600.000	9.000.000	03 tháng
124	Dây cu roa máy phát RECMF6390	Sợi	15	Đ.Loan	2019-2023	125.000	1.875.000	03 tháng
125	Dây đi số Dongfeng	Sợi	1	T.Quốc	2019-2023	700.000	700.000	03 tháng
126	Dây ga 32740-7B520	Cái	1	H.Quốc	2019-2023	800.000	800.000	03 tháng
127	Đế cốc lọc dầu phanh	Cái	4	Nhật	2019-2023	4.950.000	19.800.000	03 tháng
128	Đề khởi động 11 kW 600-813-9512	Cái	2	Nhật	2019-2023	27.455.000	54.910.000	03 tháng
129	Đề khởi động 5402.3708000-01	Cái	2	Nga	2019-2023	12.890.000	25.780.000	03 tháng
130	Đề khởi động Kamaz 6520	Cái	1	Nga	2019-2023	10.500.000	10.500.000	03 tháng

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
131	Đệm ty giảm sóc trước 569-50-61413	Cái	5	Nhật	2019-2023	9.500.000	47.500.000	03 tháng
132	Đèn hậu led	Cái	23	T.Quốc	2019-2023	450.000	10.350.000	03 tháng
133	Đèn Nordic	Cái	10	Nhật	2019-2023	2.950.000	29.500.000	03 tháng
134	Đèn pha - điện tử 24V (đế sắt)	Cái	20	T.Quốc	2019-2023	600.000	12.000.000	03 tháng
135	Đèn pha BT50	Cái	5	T.Quốc	2019-2023	550.000	2.750.000	03 tháng
136	Đèn pha Kamaz	Cái	20	Nga	2019-2023	1.200.000	24.000.000	03 tháng
137	Đèn pha vuông 24V-100W	Cái	15	T.Quốc	2019-2023	250.000	3.750.000	03 tháng
138	Đèn pha xe Dongfeng	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	1.200.000	2.400.000	03 tháng
139	Đèn xi nhan phải 1387155	Cái	5	T.Quốc	2019-2023	500.000	2.500.000	03 tháng
140	Đèn xi nhan sườn Kamaz	Cái	15	Nga	2019-2023	300.000	4.500.000	03 tháng
141	Đèn xi nhan trái 1385410	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	500.000	1.000.000	03 tháng
142	Đèn xi nhan trước Kamaz	Cái	5	T.Quốc	2019-2023	550.000	2.750.000	03 tháng
143	Điện trở điều hòa HD465	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	2.500.000	5.000.000	03 tháng
144	Đinh tán Φ8	Cái	150	V.Nam	2019-2023	4.000	600.000	03 tháng
145	Ê cu tắc kê 569-22-72870	Cái	50	Nhật	2019-2023	250.000	12.500.000	03 tháng
146	Gas 134 KLEA	Bình	4	Nhật	2019-2023	3.900.000	15.600.000	03 tháng
147	Gas lạnh R134	Bình	5	Ấn Độ	2019-2023	2.700.000	13.500.000	03 tháng
148	Giảm sóc nhíp trước Kamaz 6520	Cái	5	T.Quốc	2019-2023	1.680.000	8.400.000	03 tháng
149	Giàn lạnh HD465	Cái	5	T.Quốc	2019-2023	2.380.000	11.900.000	03 tháng
150	Giàn nóng DONGFENG	Cái	1	T.Quốc	2019-2023	2.500.000	2.500.000	03 tháng
151	Giàn nóng Kamaz 6520	Cái	5	T.Quốc	2019-2023	1.600.000	8.000.000	03 tháng
152	Giàn nóng PC750	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	2.500.000	5.000.000	03 tháng
153	Gioăng 566-40-42822	Cái	5	Nhật	2019-2023	180.000	900.000	03 tháng
154	Gioăng bình tích năng 07000-12100	Cái	10	Nhật	2019-2023	40.000	400.000	03 tháng
155	Gioăng bình tích năng 07000-15090	Cái	10	Nhật	2019-2023	90.000	900.000	03 tháng
156	Gioăng bót lái 561-40-00200	Bộ	2	Nhật	2019-2023	930.000	1.860.000	03 tháng
157	Gioăng cổ hút Kamaz	Cái	15	Nga	2019-2023	150.000	2.250.000	03 tháng
158	Gioăng giảm sóc sau 07000-15210	Cái	5	Nhật	2019-2023	156.000	780.000	03 tháng
159	Gioăng giảm sóc trước 07000-15190	Cái	5	Nhật	2019-2023	100.000	500.000	03 tháng
160	Gioăng lốp 568-30-11550	Cái	5	Mỹ	2019-2023	600.000	3.000.000	03 tháng
161	Gioăng mặt máy 740.30-1003213	Cái	3	Nga	2019-2023	400.000	1.200.000	03 tháng
162	Gioăng mặt xoa nhỏ 180-27-11620	Cái	10	Nhật	2019-2023	1.510.000	15.100.000	03 tháng
163	Gioăng mặt xoa to 198-27-11550	Cái	10	Nhật	2019-2023	1.870.000	18.700.000	03 tháng
164	Gioăng moay ơ sau 07000-15415	Cái	5	Nhật	2019-2023	400.000	2.000.000	03 tháng

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
165	Gioăng moay ơ sau 07000-15455	Cái	3	Nhật	2019-2023	410.000	1.230.000	03 tháng
166	Gioăng moay ơ sau 07000-15500	Cái	5	Nhật	2019-2023	397.000	1.985.000	03 tháng
167	Gioăng moay ơ sau 07000-A5280	Cái	5	Nhật	2019-2023	802.000	4.010.000	03 tháng
168	Gioăng moay ơ sau 56A-46-13480	Cái	5	Nhật	2019-2023	960.000	4.800.000	03 tháng
169	Gioăng moay ơ sau Φ4x175	Cái	10	T.Quốc	2019-2023	50.000	500.000	03 tháng
170	Gioăng moay ơ sau Φ6x250	Cái	10	T.Quốc	2019-2023	180.000	1.800.000	03 tháng
171	Gioăng phớt bơm nước 6241-K6-9900	Bộ	5	Nhật	2019-2023	5.130.000	25.650.000	03 tháng
172	Gioăng phớt đại tu 740.50-360	Bộ	5	Nga	2019-2023	2.880.000	14.400.000	03 tháng
173	Gioăng phớt xi lanh đóng mở gầu 49327-20250	Bộ	5	Nhật	2019-2023	3.200.000	16.000.000	03 tháng
174	Gioăng phớt xi lanh lái Kamaz 65201	Bộ	5	Nga	2019-2023	800.000	4.000.000	03 tháng
175	Gioăng phớt xi lanh nâng hạ cần 49327-60690	Bộ	5	Nhật	2019-2023	3.500.000	17.500.000	03 tháng
176	Gối cầu cân bằng 6520-2918068	Cái	5	Nga	2019-2023	16.000.000	80.000.000	03 tháng
177	Guốc phanh 6520-3501095	Cái	5	Nga	2019-2023	3.800.000	19.000.000	03 tháng
178	Gương chiếu hậu SL-736	Cái	5	T.Quốc	2019-2023	1.800.000	9.000.000	03 tháng
179	Keo gắn gioăng 790- 129-9170	Tuýp	3	Nhật	2019-2023	780.000	2.340.000	03 tháng
180	Két làm mát dầu động cơ 293-9367	Cái	5	Nga	2019-2023	35.151.000	175.755.000	03 tháng
181	Két làm mát dầu động cơ 740.60-1013200	Cái	5	Nga	2019-2023	10.500.000	52.500.000	03 tháng
182	Két mát dầu thủy lực 358-1301	Cái	5	Nga	2019-2023	33.158.000	165.790.000	03 tháng
183	Khóa hãm tanh lốp 568-11541	Cái	3	Nhật	2019-2023	8.000.000	24.000.000	03 tháng
184	Khớp lai bơm ben Kamaz 6520	Cái	5	V.Nam	2019-2023	1.500.000	7.500.000	03 tháng
185	Lá côn Kamaz 6520	Cái	5	T.Quốc	2019-2023	3.300.000	16.500.000	03 tháng
186	La răng 1200-20	Bộ	5	V.Nam	2019-2023	2.600.000	13.000.000	03 tháng
187	Lazang ngắn 568-30-11521	Cái	3	Nhật	2019-2023	54.000.000	162.000.000	03 tháng
188	Lọc dầu động cơ P550490	Cái	5	Donaldson	2019-2023	580.000	2.900.000	03 tháng
189	Lọc dầu động cơ SO2715	Cái	5	T.Quốc	2019-2023	450.000	2.250.000	03 tháng
190	Lọc dầu nhiên liệu P553004	Cái	5	Donaldson	2019-2023	191.000	955.000	03 tháng
191	Lọc dầu nhiên liệu UC-220	Cái	25	T.Quốc	2019-2023	170.000	4.250.000	03 tháng
192	Lốc điều hòa HCC-15	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	7.000.000	14.000.000	03 tháng
193	Lọc ga điều hòa 51440-A1180	Cái	3	T.Quốc	2019-2023	600.000	1.800.000	03 tháng
194	Lọc gió động cơ 2337PU	Bộ	2	T.Quốc	2019-2023	1.200.000	2.400.000	03 tháng
195	Lọc gió động cơ Kamaz 6520	Cái	10	T.Quốc	2019-2023	1.520.000	15.200.000	03 tháng
196	Lốc lạnh 5S508/24V	Cái	10	T.Quốc	2019-2023	3.800.000	38.000.000	03 tháng
197	Lọc phom xả UT1374	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	620.000	1.240.000	03 tháng
198	Lọc tách nước P551329	Cái	2	Donaldson	2019-2023	303.000	606.000	03 tháng

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
199	Lọc tách nước P551855	Cái	2	Donaldson	2019-2023	836.000	1.672.000	03 tháng
200	Lọc tách nước P554685	Cái	5	Donaldson	2019-2023	636.000	3.180.000	03 tháng
201	Lọc tách nước PL-420	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	256.000	512.000	03 tháng
202	Lọc thô dầu động cơ 7405-1012040	Cái	25	Nga	2019-2023	350.000	8.750.000	03 tháng
203	Lọc thô nhiên liệu 57W001105350	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	850.000	1.700.000	03 tháng
204	Lọc tinh dầu động cơ 7405-1017040	Cái	25	Nga	2019-2023	460.000	11.500.000	03 tháng
205	Lọc tinh nhiên liệu D5H00-1105140A	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	800.000	1.600.000	03 tháng
206	Má phanh sau HYUNDAI County	Cái	5	T.Quốc	2019-2023	276.000	1.380.000	03 tháng
207	Má phanh sau Kamaz	Cái	10	T.Quốc	2019-2023	100.000	1.000.000	03 tháng
208	Măng xéc bình tích năng 721-47-12020	Cái	5	Nhật	2019-2023	920.000	4.600.000	03 tháng
209	Măng xéc bình tích năng 721-47-12080	Cái	5	Nhật	2019-2023	850.000	4.250.000	03 tháng
210	Măng xéc đơn giảm sóc trước 566-50-6A410	Cái	5	Nhật	2019-2023	2.200.000	11.000.000	03 tháng
211	Măng xéc kép giảm sóc sau 707-51-18650	Cái	5	Nhật	2019-2023	3.500.000	17.500.000	03 tháng
212	Măng xéc kép giảm sóc trước 707-51-16650	Cái	5	Nhật	2019-2023	2.200.000	11.000.000	03 tháng
213	Mặt bích các đăng 2402N-065	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	1.600.000	3.200.000	03 tháng
214	Mặt bích các đăng đầu trục giảm chấn 569-01-62720	Cái	2	Nhật	2019-2023	17.000.000	34.000.000	03 tháng
215	Mặt bích trục cài cầu 6520-2502036	Cái	2	Nga	2019-2023	4.200.000	8.400.000	03 tháng
216	Mặt bích trục cài cầu 6520-2502036	Cái	2	Nga	2019-2023	4.200.000	8.400.000	03 tháng
217	Mặt đi số F96194-6C	Cụm	2	T.Quốc	2019-2023	6.500.000	13.000.000	03 tháng
218	Mặt máy 740.30-1003010	Cụm	2	Nga	2019-2023	7.000.000	14.000.000	03 tháng
219	Máy ép hơi 53205-3509015-02	Cụm	2	Nga	2019-2023	7.000.000	14.000.000	03 tháng
220	Máy nén khí điều hòa 7S708/24V	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	4.900.000	9.800.000	03 tháng
221	Máy phát điện 3142-3771-10	Cái	4	Nga	2019-2023	7.700.000	30.800.000	03 tháng
222	Máy phát điện 600-861-9122	Cái	2	Nhật	2019-2023	35.500.000	71.000.000	03 tháng
223	Mô tơ quạt giàn nóng 90Z	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	1.800.000	3.600.000	03 tháng
224	Móng hãm xu páp 6240-41-4520	Cái	50	Nhật	2019-2023	70.000	3.500.000	03 tháng
225	Nắp chụp chắn mỡ gối cầu cân bằng Kamaz	Cái	1	T.Quốc	2019-2023	800.000	800.000	03 tháng
226	Nhíp sau 100x22x1000	Lá	5	V.Nam	2019-2023	1.080.000	5.400.000	03 tháng
227	Nhíp sau 100x22x1150	Lá	5	V.Nam	2019-2023	1.091.000	5.455.000	03 tháng
228	Nhíp sau 100x22x1250	Lá	5	V.Nam	2019-2023	1.180.000	5.900.000	03 tháng
229	Nhíp sau 100x22x1600	Lá	30	V.Nam	2019-2023	1.513.000	45.390.000	03 tháng
230	Nhíp sau 100x22x350	Lá	5	V.Nam	2019-2023	610.000	3.050.000	03 tháng
231	Nhíp sau 100x22x450	Lá	5	V.Nam	2019-2023	612.000	3.060.000	03 tháng
232	Nhíp sau 100x22x550	Lá	5	V.Nam	2019-2023	670.000	3.350.000	03 tháng

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
233	Nhíp sau 100x22x650	Lá	6	V.Nam	2019-2023	791.000	4.746.000	03 tháng
234	Nhíp sau 100x22x750	Lá	5	V.Nam	2019-2023	915.000	4.575.000	03 tháng
235	Nhíp sau 100x22x850	Lá	6	V.Nam	2019-2023	1.030.000	6.180.000	03 tháng
236	Nhíp sau 90x20x1000	Lá	3	T.Quốc	2019-2023	1.300.000	3.900.000	03 tháng
237	Nhíp sau 90x20x1100	Lá	2	T.Quốc	2019-2023	1.350.000	2.700.000	03 tháng
238	Nhíp sau 90x20x1200	Lá	2	T.Quốc	2019-2023	1.500.000	3.000.000	03 tháng
239	Nhíp sau 90x20x1500	Lá	8	T.Quốc	2019-2023	1.900.000	15.200.000	03 tháng
240	Nhíp sau 90x20x500	Lá	3	T.Quốc	2019-2023	650.000	1.950.000	03 tháng
241	Nhíp sau 90x20x600	Lá	3	T.Quốc	2019-2023	780.000	2.340.000	03 tháng
242	Nhíp sau 90x20x700	Lá	3	T.Quốc	2019-2023	850.000	2.550.000	03 tháng
243	Nhíp sau 90x20x800	Lá	3	T.Quốc	2019-2023	1.100.000	3.300.000	03 tháng
244	Nhíp sau 90x20x900	Lá	2	T.Quốc	2019-2023	1.200.000	2.400.000	03 tháng
245	Nhíp trước 90x12x1400	Lá	2	V.Nam	2019-2023	1.160.000	2.320.000	03 tháng
246	Nhíp trước 90x12x1600	Lá	2	V.Nam	2019-2023	1.370.000	2.740.000	03 tháng
247	Nhíp trước 90x14x1050	Lá	2	V.Nam	2019-2023	814.000	1.628.000	03 tháng
248	Nhíp trước 90x14x1200	Lá	7	V.Nam	2019-2023	886.000	6.202.000	03 tháng
249	Nhíp trước 90x14x1350	Lá	5	V.Nam	2019-2023	940.000	4.700.000	03 tháng
250	Nhíp trước 90x14x1500	Lá	7	V.Nam	2019-2023	1.045.000	7.315.000	03 tháng
251	Nhíp trước 90x14x350	Lá	4	V.Nam	2019-2023	466.000	1.864.000	03 tháng
252	Nhíp trước 90x14x450	Lá	5	V.Nam	2019-2023	547.000	2.735.000	03 tháng
253	Nhíp trước 90x14x600	Lá	7	V.Nam	2019-2023	627.000	4.389.000	03 tháng
254	Nhíp trước 90x14x750	Lá	5	V.Nam	2019-2023	728.000	3.640.000	03 tháng
255	Nhíp trước 90x14x900	Lá	7	V.Nam	2019-2023	802.000	5.614.000	03 tháng
256	Nhíp trước lá số 1; 90x14x1860	Lá	2	V.Nam	2019-2023	1.265.000	2.530.000	03 tháng
257	Nhíp trước lá số 1; 90x16x1720	Lá	3	V.Nam	2019-2023	1.800.000	5.400.000	03 tháng
258	Nhíp trước lá số 2; 90x14x1870	Lá	5	V.Nam	2019-2023	1.313.000	6.565.000	03 tháng
259	Nhíp trước lá số 2; 90x16x1720	Lá	2	V.Nam	2019-2023	1.800.000	3.600.000	03 tháng
260	Nhíp trước lá số 3; 90x14x1680	Lá	7	V.Nam	2019-2023	1.083.000	7.581.000	03 tháng
261	Ống xả 54115-1203012-01	Cái	2	Nga	2019-2023	1.800.000	3.600.000	03 tháng
262	Phanh hãm Φ60x2.5	Cái	5	T.Quốc	2019-2023	120.000	600.000	03 tháng
263	Phin lọc dầu động cơ P550065	Bộ	5	Donaldson	2019-2023	424.000	2.120.000	03 tháng
264	Phin lọc dầu động cơ P550777	Cái	5	Donaldson	2019-2023	371.000	1.855.000	03 tháng
265	Phin lọc dầu động cơ P553639	Cái	5	Donaldson	2019-2023	571.000	2.855.000	03 tháng
266	Phin lọc dầu động cơ P556007	Cái	5	Donaldson	2019-2023	446.000	2.230.000	03 tháng

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
267	Phin lọc dầu động cơ P559000	Cái	5	Donaldson	2019-2023	783.000	3.915.000	03 tháng
268	Phin lọc dầu nhiên liệu P550391	Cái	5	Donaldson	2019-2023	212.000	1.060.000	03 tháng
269	Phin lọc dầu nhiên liệu P551047	Cái	5	Donaldson	2019-2023	1.285.000	6.425.000	03 tháng
270	Phin lọc dầu nhiên liệu P557440	Cái	5	Donaldson	2019-2023	371.000	1.855.000	03 tháng
271	Phin lọc máy lạnh CD-3008	Cái	10	T.Quốc	2019-2023	700.300	7.003.000	03 tháng
272	Phin lọc máy lạnh Hyundai HD260	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	150.000	300.000	03 tháng
273	Phin lọc máy lạnh Kamaz	Cái	4	T.Quốc	2019-2023	150.000	600.000	03 tháng
274	Phớt 50x72x12 HMSA10 RG	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	220.000	440.000	03 tháng
275	Phớt 58x80x12	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	80.000	160.000	03 tháng
276	Phớt 90x120x12	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	180.000	360.000	03 tháng
277	Phớt bót lái 561-40-00100	Bộ	2	Nhật	2019-2023	3.000.000	6.000.000	03 tháng
278	Phớt cầu 80x105x12	Cái	10	T.Quốc	2019-2023	150.000	1.500.000	03 tháng
279	Phớt chắn bụi giảm sóc sau 561-50-61370	Cái	5	Nhật	2019-2023	3.000.000	15.000.000	03 tháng
280	Phớt chắn bụi giảm sóc trước 569-50-61230	Cái	5	Nhật	2019-2023	1.800.000	9.000.000	03 tháng
281	Phớt chắn bụi moay ơ sau 568-33-11511	Cái	5	Nhật	2019-2023	5.900.000	29.500.000	03 tháng
282	Phớt chắn mỡ 90x105x14	Cái	4	Nhật	2019-2023	180.000	720.000	03 tháng
283	Phớt chắn mỡ giằng cầu Φ70	Cái	64	T.Quốc	2019-2023	186.000	11.904.000	03 tháng
284	Phớt giảm chấn 569-01-12912	Cái	3	Nhật	2019-2023	831.000	2.493.000	03 tháng
285	Phớt moay ơ sau 65115-3104017	Cái	10	Nga	2019-2023	150.000	1.500.000	03 tháng
286	Phớt moay ơ trước 105x138	Cái	5	T.Quốc	2019-2023	110.000	550.000	03 tháng
287	Phớt moay ơ trước 569-30-11412	Cái	4	Nhật	2019-2023	4.100.000	16.400.000	03 tháng
288	Phớt tím đơn giảm sóc sau 569-50-82410	Cái	5	Nhật	2019-2023	3.680.000	18.400.000	03 tháng
289	Piston giảm sóc ghế lái 370-8065	Cái	2	Mỹ	2019-2023	13.000.000	26.000.000	03 tháng
290	Quang nhíp sau Kamaz 6520	Cái	14	V.Nam	2019-2023	480.000	6.720.000	03 tháng
291	Quang nhíp sau M27x90x420	Bộ	2	V.Nam	2019-2023	600.000	1.200.000	03 tháng
292	Quang nhíp sau M27x90x440	Bộ	2	T.Quốc	2019-2023	600.000	1.200.000	03 tháng
293	Quang nhíp trước Kamaz 6520	Cái	6	V.Nam	2019-2023	250.000	1.500.000	03 tháng
294	Quạt dàn nóng Themoking 12 inch/24V	Cái	3	T.Quốc	2019-2023	850.000	2.550.000	03 tháng
295	Quạt giàn lạnh HD465-7	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	2.800.000	5.600.000	03 tháng
296	Quạt giàn lạnh HD465-7R	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	2.800.000	5.600.000	03 tháng
297	Quạt giàn lạnh máy xúc lật VOLVO L150H	Cái	1	T.Quốc	2019-2023	3.500.000	3.500.000	03 tháng
298	Quạt giàn lạnh máy xúc PC750	Cái	1	T.Quốc	2019-2023	2.600.000	2.600.000	03 tháng
299	Quạt giàn nóng 24V - 12"	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	750.000	1.500.000	03 tháng
300	Quạt giàn nóng máy khoan DI550	Cái	1	T.Quốc	2019-2023	2.500.000	2.500.000	03 tháng

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
301	Quạt giàn nóng máy xúc PC750	Cái	1	T.Quốc	2019-2023	2.500.000	2.500.000	03 tháng
302	Rơ le 569-06-61960	Cái	1	Nhật	2019-2023	1.175.000	1.175.000	03 tháng
303	Rô tuyn ba ngang R180-3414062/3414063	Bộ	2	Nga	2019-2023	2.000.000	4.000.000	03 tháng
304	Rô tuyn đi số to Kamaz	Cái	2	Nga	2019-2023	500.000	1.000.000	03 tháng
305	Tanh la răng	Cái	8	T.Quốc	2019-2023	780.000	6.240.000	03 tháng
306	Tay giằng cầu hạ HD465	Cái	4	V.Nam	2019-2023	12.135.000	48.540.000	03 tháng
307	Tay giằng cầu thượng HD465	Cái	6	V.Nam	2019-2023	9.000.000	54.000.000	03 tháng
308	Tiết chế máy phát Kamaz 6520	Cái	4	Nga	2019-2023	800.000	3.200.000	03 tháng
309	Tổng côn dưới HYUNDAI HD260	Cái	1	T.Quốc	2019-2023	1.980.000	1.980.000	03 tháng
310	Tổng côn dưới Kamaz 6520	Cái	3	T.Quốc	2019-2023	2.200.000	6.600.000	03 tháng
311	Tổng côn trên 5320-1602510-10	Cái	2	Nga	2019-2023	2.500.000	5.000.000	03 tháng
312	Trục các đăng sau xe Dongfeng	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	7.000.000	14.000.000	03 tháng
313	Trục chữ thập 5320-2403060	Cái	2	Nga	2019-2023	1.896.000	3.792.000	03 tháng
314	Trục đứng 6520-3001019	Cái	2	Nga	2019-2023	1.800.000	3.600.000	03 tháng
315	Trục giảm chấn HD465	Cái	2	V.Nam	2019-2023	16.000.000	32.000.000	03 tháng
316	Trục lai bơm ben 136303036	Cái	2	Nga	2019-2023	3.800.000	7.600.000	03 tháng
317	Trục lai các đăng sau 6520-3904030	Cái	2	Nga	2019-2023	5.500.000	11.000.000	03 tháng
318	Trục láp dài 6520-3501108	Cái	2	Nga	2019-2023	8.500.000	17.000.000	03 tháng
319	Trục súng vặn bu lông SH8600	Cái	2	Nhật	2019-2023	5.500.000	11.000.000	03 tháng
320	Ty ô máy lạnh Φ22	mét	7,8	V.Nam	2019-2023	160.000	1.240.800	03 tháng
321	Van chia hơi 1425183/RL3518Z77	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	1.600.000	3.200.000	03 tháng
322	Van chia hơi 973011010	Cái	2	EU	2019-2023	3.700.000	7.400.000	03 tháng
323	Van điện từ 09070617	Cái	6	T.Quốc	2019-2023	850.000	5.100.000	03 tháng
324	Van điện từ lên ben 09070617	Cái	1	T.Quốc	2019-2023	850.000	850.000	03 tháng
325	Van nạp giảm sóc 566-50-11301	Cái	1	Nhật	2019-2023	1.450.000	1.450.000	03 tháng
326	Van nạp khí bình tích năng 721-89-12011	Cái	6	Nhật	2019-2023	1.360.000	8.160.000	03 tháng
327	Van tiết lưu máy lạnh HD465	Cái	1	T.Quốc	2019-2023	698.500	698.500	03 tháng
328	Van tiết lưu máy lạnh Kamaz	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	250.000	500.000	03 tháng
329	Van vòi phun dầu bôi trơn thành xi lanh	Cái	1	Nga	2019-2023	700.000	700.000	03 tháng
330	Vi nét phanh trước Kamaz 6520	Cái	2	T.Quốc	2019-2023	1.550.000	3.100.000	03 tháng
331	Vòi phun làm nguội pít tông	Cái	1	Nga	2019-2023	700.000	700.000	03 tháng
332	Vòng bi 6009	Vòng	1	Nhật	2019-2023	450.000	450.000	03 tháng
333	Vòng bi 6211C3	Vòng	2	Nhật	2019-2023	1.200.000	2.400.000	03 tháng
334	Vòng bi 6217C3	Vòng	1	Nhật	2019-2023	1.500.000	1.500.000	03 tháng

STT	Danh mục hàng hóa	Đvt	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Đơn giá	Thành tiền (Cột 4x7)	Bảo hành
1	2	3	4	5	6	7	8	9
335	Vòng bi 6316C3	Vòng	1	Nhật	2019-2023	2.500.000	2.500.000	03 tháng
336	Vòng bi 706-77-43890	Vòng	2	Nhật	2019-2023	13.175.000	26.350.000	03 tháng
337	Vòng bi cầu 1032924KM	Vòng	6	Nga	2019-2023	3.000.000	18.000.000	03 tháng
338	Vòng bi cầu 30313JR	Vòng	3	Nhật	2019-2023	1.800.000	5.400.000	03 tháng
339	Vòng bi cầu 32216	Vòng	4	Nhật	2019-2023	1.800.000	7.200.000	03 tháng
340	Vòng bi cầu 32313	Vòng	2	Nhật	2019-2023	1.200.000	2.400.000	03 tháng
341	Vòng bi cầu 32315	Vòng	2	Nhật	2019-2023	1.300.000	2.600.000	03 tháng
342	Vòng bi cầu 6312	Vòng	3	Nhật	2019-2023	930.000	2.790.000	03 tháng
343	Vòng bi cầu NJ206ET2X	Vòng	1	Nhật	2019-2023	620.000	620.000	03 tháng
344	Vòng bi NTN 6303	Vòng	2	Nhật	2019-2023	250.000	500.000	03 tháng
345	Vòng bi SKF 6207	Vòng	5	Nhật	2019-2023	350.000	1.750.000	03 tháng
346	Vòng bi SKF 6208/C3	Vòng	2	Malaysia	2019-2023	450.000	900.000	03 tháng
347	Vòng bi SKF 6303	Vòng	2	T.Quốc	2019-2023	303.000	606.000	03 tháng
348	Vòng bi SKF 6307	Vòng	2	Nhật	2019-2023	450.000	900.000	03 tháng
349	Vòng bi SKF 6313	Vòng	2	Nhật	2019-2023	1.500.000	3.000.000	03 tháng
350	Vòng bi SKF NJ206ECP	Vòng	2	Nhật	2019-2023	950.000	1.900.000	03 tháng
351	Vòng đệm đầu trục a cơ Kamaz 6520	Cái	2	Nga	2019-2023	480.000	960.000	03 tháng
352	Vú mỡ	Cái	100	V.Nam	2019-2023	8.000	800.000	03 tháng
353	Xi lanh phanh HYUNDAI County	Cái	4	H.Quốc	2019-2023	850.000	3.400.000	03 tháng
354	Xi lanh phanh trước xe SAMCO 34c	Cái	4	T.Quốc	2019-2023	1.200.000	4.800.000	03 tháng
	Tổng cộng						**4.330.999.300**	
	Thuế GTGT 10%						**433.099.930**	
	Tổng cộng giá chào của hàng hoá dịch vụ đã bao gồm thuế, phí,lệ phí (nếu có)						**4.764.099.230**	